

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/DS-PT
Ngày 13-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Trung
Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2017/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2017/DSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 05, tổ 1, ấp 2, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị N, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 155, khu phố T1, phường T2, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: 069/A, tổ 3, khu phố 2, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 27/10/2017); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Văn N, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 05, tổ 1, ấp 2, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Dương Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Dương Thị N trình bày: Ngày 25/12/2016, bà Dương Thị

N và bà Võ Thị N thỏa thuận ký “hợp đồng vay mượn”, theo đó bà Võ Thị N vay bà Dương Thị N số tiền 280.000.000 đồng, thời hạn đến ngày 25/02/2017. Người ký làm chứng trong hợp đồng là bà Nguyễn Thị Thu H, bà Dương Thị N nhờ ông Lê Văn L (chồng bà H) viết “hợp đồng vay mượn” theo nội dung do bà Dương Thị N đọc.

Thực chất của số tiền 280.000.000 đồng được ghi tại hợp đồng vay mượn ngày 25/12/2016 là tổng số tiền nợ của nhiều lần bà Võ Thị N vay trước đó cộng lại. Ngày lập hợp đồng vay mượn là ngày tính tổng số tiền đã vay trước đó, không giao nhận số tiền 280.000.000 đồng. Bà Võ Thị N không thực hiện thỏa thuận đã ký nên bà Dương Thị N khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị N trả số tiền còn nợ là 280.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Võ Thị N trình bày: Bà Võ Thị N thừa nhận có ký vào “hợp đồng vay mượn” 25/12/2016, ghi số tiền vay bà Dương Thị N là 280.000.000 đồng; tuy nhiên, bà Võ Thị N chỉ có vay tiền của bà Dương Thị N tổng cộng là 61.000.000 đồng, không có lãi. Do không có tiền trả nên bà Dương Thị N gọi bà Võ Thị N đến nhà bà Dương Thị N và ép bà Võ Thị N ký giấy nợ, tại thời điểm ký giấy bà Dương Thị N không giao số tiền 280.000.000 đồng cho bà Võ Thị N. Bà Võ Thị N bị bà Dương Thị N và con bà Dương Thị N (là Phan Văn T và Phan Văn L) ép buộc ký vào hợp đồng tại nhà bà Dương Thị N. Ngay sau khi bị ép ký giấy nợ, bà Võ Thị N đã làm đơn tố giác hành vi vi phạm của bà Dương Thị N và con bà Dương Thị N đến Công an xã V và Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương nhưng chưa có kết quả giải quyết.

Nay, bà Võ Thị N chỉ đồng ý trả cho bà Dương Thị N số tiền 61.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn N (là chồng của bà Dương Thị N): Có yêu cầu quyết vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Ngày 29 Tết âm lịch 2016, bà H và ông L có đến nhà bà Dương Thị N (vì bà Dương Thị N gọi bà H qua để trả tiền nợ). Khi đến nhà bà Dương Thị N thì có bà Võ Thị N (bà H không quen biết), bà Dương Thị N, ông T (con bà Dương Thị N) và vợ chồng bà H, ông L. Trước đó giữa các bên có nói chuyện hay ép buộc, đe dọa hay không thì bà H không biết. Bà Dương Thị N nói với bà H: Bà Võ Thị N có nợ bà Dương Thị N 430.000.000 đồng, nay cần trừ nợ 150.000.000 đồng cho bà H và viết giấy nợ 280.0000.0000 đồng cho bà Dương Thị N, yêu cầu bà Võ Thị N ký vào giấy mượn nợ bà H 150.000.000 đồng. Bà H viết được giấy nợ ngày 25/11/2016 (nội dung ghi bà Võ Thị N mượn bà H số tiền 150.000.000 đồng) thì mỗi tay nên nhờ ông L viết giấy nợ giùm bà Dương Thị N (giấy nợ ngày 25/11/2016 giữa bà Dương Thị N và bà Võ Thị N); không có việc giao nhận số tiền 280.000.000 đồng tại nhà bà Dương Thị N, bà H cũng không có cho bà Võ Thị N mượn 150.000.000 đồng như giấy nợ bà H đã viết ngày 25/11/2016, vì bà Võ Thị N không có mượn tiền bà H (bà H cung cấp cho Tòa án bản chính hợp đồng mượn tiền đề ngày 25/11/2016 giữa bà H và bà Võ Thị N).

Người làm chứng ông Lê Văn L trình bày: Ngày 29 Tết Âm lịch năm 2016, vợ chồng ông L, bà H có đến nhà bà Dương Thị N. Khi đến nhà bà Dương Thị N thì có bà Võ Thị N (ông L không quen biết), bà Dương Thị N, ông T (con

bà Dương Thị N) và vợ chồng ông L, bà H. Trước đó, giữa các bên có nói chuyện hay ép buộc, đe dọa gì thì ông L không biết. Bà Dương Thị N nhờ ông L viết hợp đồng vay mượn tiền, ông L viết theo yêu cầu bà Dương Thị N; sau khi viết xong, ông L bước ra ngoài có nghe bà Dương Thị N đọc lại cho bà Võ Thị N nghe, còn việc giao nhận tiền theo hợp đồng thì không có giao nhận.

Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2017/DSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị N

Buộc bà Võ Thị N phải thanh toán cho bà Dương Thị N số tiền còn nợ 61.000.000 (sáu mươi một triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 04/10/2017, nguyên đơn bà Dương Thị N kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Võ Thị N thừa nhận có ký tên lẫn tay vào hợp đồng ngày 25/12/2016 nhưng cho là bị bà Dương Thị N và các con bà Dương Thị N ép buộc. Sau khi ký giấy nợ, Bà Võ Thị N có đơn tố giác gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T. Công an thị xã T có lập biên bản ghi lời khai bà Võ Thị N vào ngày 28/3/2017, sau đó có phiếu hướng dẫn (ngày 17/8/2017) bà Võ Thị N khởi kiện tại Tòa án (bút lục 113- 114), vì không có dấu hiệu tội phạm. Do đó, bà Võ Thị N phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình, bà Võ Thị N có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị N số tiền 280.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Dương Thị N khởi kiện bị đơn bà Võ Thị N với yêu cầu trả số tiền nợ là 280.000.000 đồng. Chứng cứ bà Dương Thị N xuất trình là “hợp đồng vay mượn tiền” ngày 25/12/2016, thời hạn vay từ ngày 25/12/2016 đến ngày 25/02/2017. Bị đơn bà Võ Thị N chỉ thừa nhận mượn bà Dương Thị N số tiền 61.000.000 đồng (bút lục 27); bà Võ Thị N thừa nhận có ký tên, lẫn tay vào hợp đồng ngày 25/12/2016 nhưng là do bị bà Dương Thị N và các con bà Dương Thị N ép buộc. Bà Dương Thị N, bà Võ Thị N và vợ chồng bà H, ông L đều thống nhất tại thời điểm ký “hợp đồng vay mượn tiền” thì bà Dương Thị N

không giao số tiền 280.000.000 đồng cho bà Võ Thị N, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, thực chất bà Võ Thị N có vay và còn nợ bà Dương Thị N số tiền 280.000.000 đồng trước thời điểm ký hợp đồng vay mượn ngày 25/12/2016 hay không thì phải xem xét vào các chứng cứ khác có liên quan đến vụ án.

[2] Ý kiến của hai bên đương sự, các chứng cứ do hai bên đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập được, thấy rằng:

“Hợp đồng vay mượn” lập ngày 25/12/2016 với số tiền bà Võ Thị N vay bà Dương Thị N là 280.00.000 đồng do ông L viết cùng thời điểm “hợp đồng vay mượn” ngày 25/11/2016 với số tiền bà Võ Thị N vay bà H là 150.00.000 đồng, do bà H viết. Vợ chồng bà H, ông L khai (bút lục số 34-35): Khi đến nhà bà Dương Thị N đã thấy bà Võ Thị N đến trước, bà Dương Thị N nói: “Bà Võ Thị N còn nợ bà Dương Thị N 430.000.000 đồng, cần trừ số nợ 150.000.000 đồng qua bà H, bà Võ Thị N còn nợ bà Dương Thị N 280.000.000 đồng”; bà Dương Thị N đọc nội dung cho bà H viết giấy bà Võ Thị N nợ bà H 150.000.000 đồng và ông L viết giấy bà Võ Thị N nợ bà Dương Thị N 280.000.000 đồng; hai bên không có giao nhận tiền, còn bà Võ Thị N thì không nợ tiền bà H. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bà Dương Thị N cũng thừa nhận không có số tiền 280.000.000 đồng và 150.000.000 đồng tại thời điểm viết giấy nợ.

Như vậy, có căn cứ xác định “hợp đồng vay mượn” ngày 25/11/2016 với số tiền bà Võ Thị N vay bà H là 150.00.000 đồng là hợp đồng giả tạo. Bà Dương Thị N không thừa nhận “hợp đồng vay mượn” lập ngày 25/12/2016 là giả tạo nhưng không chứng minh được có giao số tiền 280.00.000 đồng cho bà Võ Thị N.

[3] Về thời điểm ký “hợp đồng vay mượn tiền”: Bà Dương Thị N trình bày thời điểm ký hợp đồng vay tiền không thống nhất: Có biên bản khai ngày ký hợp đồng vay tiền là ngày 29 Tết Âm lịch năm 2016 (ngày 26/01/2017 dương lịch-bút lục 22, 31); có biên bản khai ký ngày 25/12/2016 (bút lục 02), tại phiên tòa thì bà Dương Thị N khai ký hợp đồng là ngày 28 Tết Âm lịch năm 2016 (tức ngày 25/01/2017 dương lịch). Bà Võ Thị N trình bày ngày ký hợp đồng lúc 21 giờ ngày 25/01/2017 (bút lục 32). Người làm chứng, bà H khai: Vào tối ngày 29 Tết Âm lịch năm 2016 (ngày 26/01/2017 dương lịch) thì bà H cùng với chồng (ông L) có đến nhà Dương Thị N, bà Dương Thị N có nhờ bà H viết giùm hợp đồng vay mượn. Như vậy, có cơ sở xác định các bên lập hợp đồng vay mượn vào ngày 25/01/2017 hoặc 26/01/2017 (tức 28 hoặc 29 Tết Âm lịch năm 2016).

Đến ngày 06/02/2017, bà Võ Thị N đã có: “Đơn tố giác” gửi Công an thị xã T tố giác về việc bị bà Dương Thị N và hai con bà Dương Thị N (Phan Văn T, Phan Văn L) ép buộc ký: “Giấy nợ bà Dương Thị N 230.000.000 đồng và bà H 150.000.000 đồng”. Công an thị xã T có lập biên bản ghi lời khai bà Võ Thị N vào ngày 28/3/2017, sau đó có phiếu hướng dẫn (ngày 17/8/2017) bà N khởi kiện tại Tòa án, vì không có dấu hiệu tội phạm. Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị N trình bày: Do bị ép ký giấy nợ nên phải tố cáo đến Công an, thời điểm ký là cận tết nên vừa qua tết là bà Võ Thị N làm đơn tố cáo. Bà Dương Thị N không thừa nhận có hành vi ép buộc bà Võ Thị N ký “giấy nợ” nhưng khi Tòa

án triệu tập Phan Văn L (con bà Võ Thị N) để lấy lời khai thì ông L không cộng tác (bút lục số 116); Tòa án có tổng đạt giấy triệu tập và Thông báo số 05/TA-TB ngày 30/01/2018 về việc lấy lời khai cho hai con bà Dương Thị N là ông Phan Văn T, ông Phan Văn L đến Tòa để lấy lời khai hoặc cung cấp bản tự khai, nhưng ông Phan Văn T, ông Phan Văn L không chấp hành, không đến để chứng minh cho quyền lợi của bà Dương Thị N.

[4] Với những phân tích ở trên thì không có căn cứ để xác định bà Võ Thị N còn nợ tiền vay của bà Dương Thị N 280.000.000 đồng theo hợp đồng vay mượn lập ngày 25/12/2016. Bà Võ Thị N thừa nhận còn nợ tiền vay của bà Dương Thị N là 61.000.000 đồng; bản án dân sự sơ thẩm buộc bà Võ Thị N trả 61.000.000 đồng cho bà Dương Thị N là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Dương Thị N không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị N là chưa là phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Dương Thị N phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Dương Thị N.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2017/DSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.
3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0013315 ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã T;
- TAND thị xã T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đào Minh Đa

